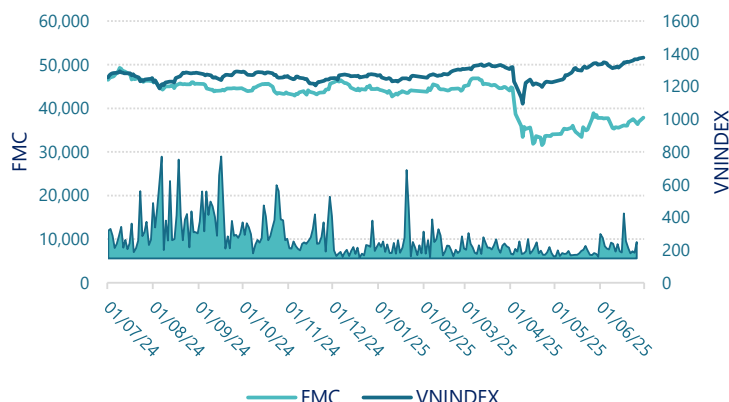


CTCP Thực phẩm Sao Ta (HSX: FMC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	37,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	49,263
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	31,547
SL cổ phiếu LH	65,388,889
KLGD BQ 20 phiên (CP)	74,760
% sở hữu nước ngoài	31.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,475
P/E	8.3
EPS	4,584

DT thuần

Q2/25

1,876

tỷ VNĐ

QoQ: ▼114| -5.7%

YoY: ▲ 633| 51.0%

LN sau thuế

Q2/25

102

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 64.3| 170%

YoY: ▲ 18.6| 21.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

6.1%

+/- YoY: ▼ 1.0%

DT thuần

6T 2025

3,867

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,163| 43.0%

LN sau thuế

6T 2025

139

tỷ VNĐ

YoY: ▼2.00| -0.9%

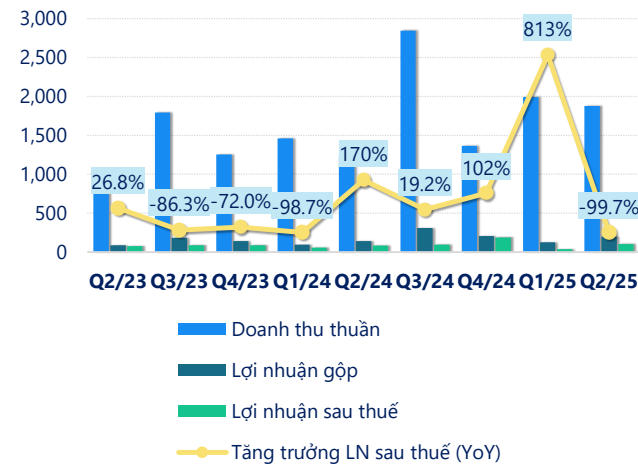
ROE

Q2/25

13.2%

tỷ VNĐ

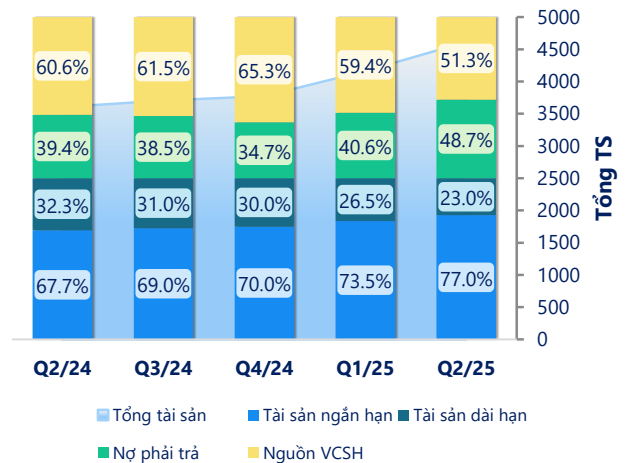
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

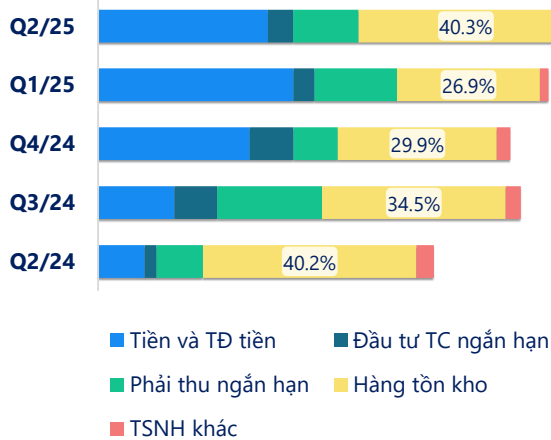
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



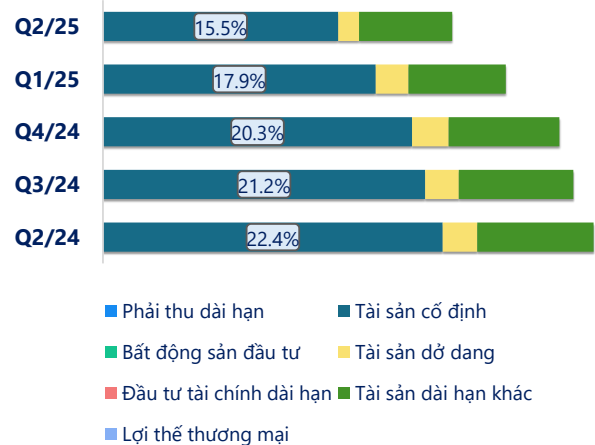
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

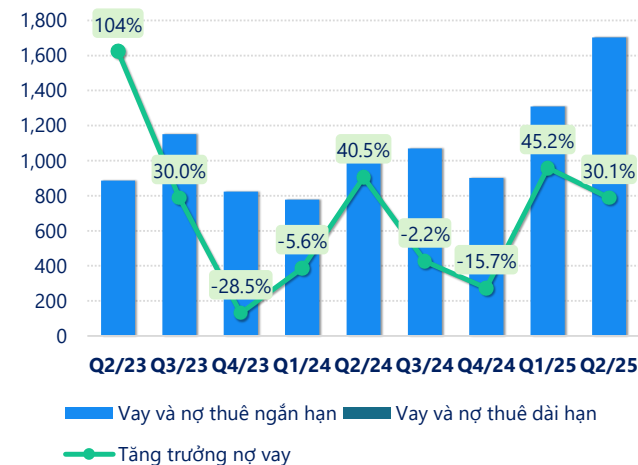
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

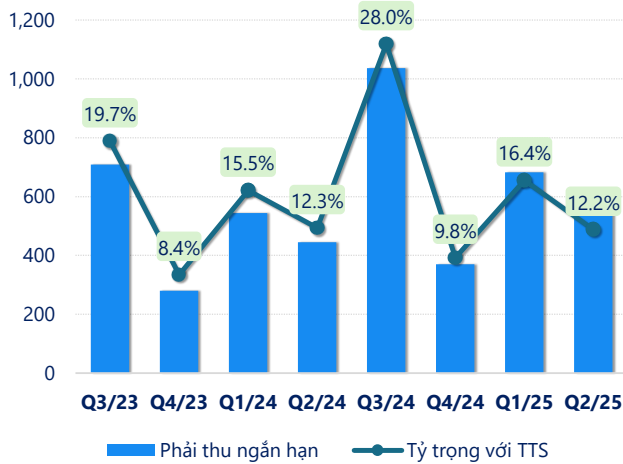
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


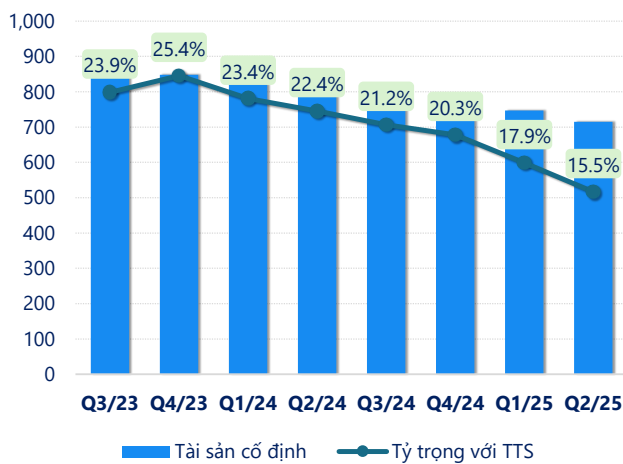
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

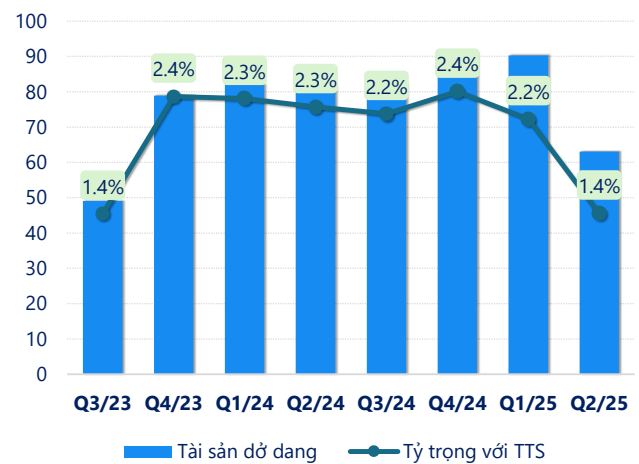

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

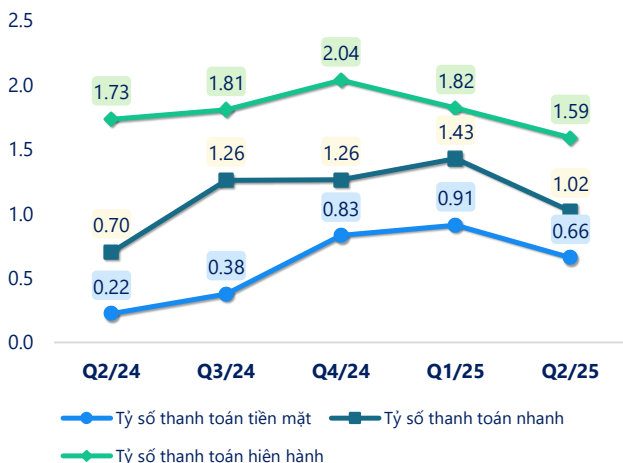
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

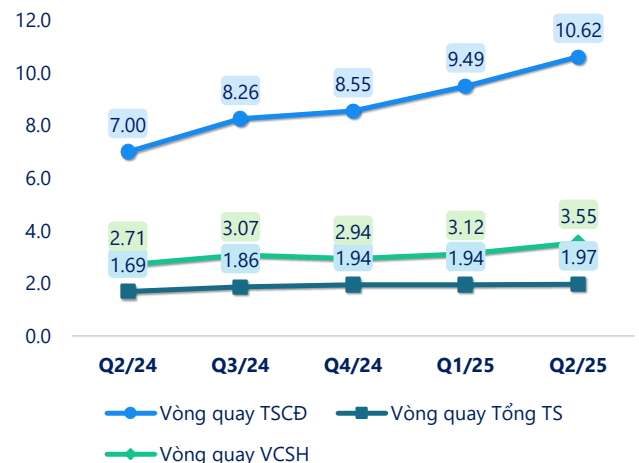
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	3,602	3,707	3,775	4,163	4,614
Tài sản ngắn hạn	2,439	2,559	2,641	3,059	3,553
Tiền và tương đương tiền	315	533	1,077	1,529	1,472
Đầu tư tài chính ngắn hạn	172	154	140	129	176
Phải thu ngắn hạn	444	1,037	370	682	562
Hàng tồn kho	1,453	774	1,002	661	1,277
Tài sản ngắn hạn khác	54.1	61.2	51.3	56.9	64.3
Tài sản dài hạn	1,164	1,148	1,134	1,104	1,061
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	806	786	768	747	715
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	81.8	82.0	90.7	90.3	63.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	276	280	275	267	283
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,418	1,428	1,309	1,691	2,246
Nợ ngắn hạn	1,407	1,417	1,297	1,680	2,235
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,093	1,070	902	1,309	1,703
Phải trả người bán ngắn hạn	136	103	118	147	227
Nợ dài hạn	11.6	11.5	11.7	11.5	11.2
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,184	2,279	2,466	2,472	2,368
Vốn chủ sở hữu	2,184	2,279	2,466	2,472	2,368
Vốn điều lệ	654	654	654	654	654
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)